

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 22-12-2023

V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia
đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh;
2. Ông Lê Tiến Thán.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông
Phạm Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10
năm 2023 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử
số 144/2023/QĐXX-ST ngày 07 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1992.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ hiện nay: thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Số định danh cá nhân 033192001393.

Bị đơn: Anh **Phạm Văn N**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Số định danh cá nhân 034088005707.

Hộ chiếu số C3980787.

(Chị L, anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***/ Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:** Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/8/2023 và Bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân với anh Phạm Văn N và trình bày như sau:

Chị và anh Phạm Văn N tự tìm hiểu nhau, tự nguyện kết hôn và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình vào ngày 29/7/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại gia đình anh N ở thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, tính cách. Khoảng cuối năm 2017, chị và anh N cùng đi lao động ở Đài Loan. Trong thời gian chị và anh N ở nước ngoài, vợ chồng hòa thuận được khoảng 01 năm thì lại xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Đến đầu năm 2019, chị và anh N không liên lạc với nhau nữa, mỗi người tự lo cuộc sống riêng. Năm 2022, chị về hẵn Việt Nam và đã về luôn nhà mẹ đẻ ở thôn N, xã L, huyện V, tỉnh Hưng Yên sinh sống. Anh N vẫn lao động ở Đài Loan. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về con chung: Chị và anh N không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị L đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

*** Bị đơn – anh Phạm Văn N trình bày:**

Anh và chị Nguyễn Thị L quen biết nhau trong điều kiện hoàn cảnh anh đi làm công ty ở tỉnh Hưng Yên, còn chị L là người quê ở tỉnh Hưng Yên. Hai bên phát sinh tình cảm, tiến tới hôn nhân và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình ngày 29/7/2016. Sau khi kết hôn, anh và chị L chung sống cùng gia đình chị L ở tỉnh Hưng Yên, hai vợ chồng cùng đi làm công nhân ở công ty. Khoảng tháng 5/2017, anh và chị L quay về tỉnh Thái Bình và chung sống với gia đình anh. Trong thời gian ở nhà anh, chị L không quan tâm, có thái độ không đúng mực với gia đình anh. Được khoảng vài tháng, chị L có nói kinh tế gia đình khó khăn nên hai vợ chồng bàn nhau đi nước ngoài lao động. Trong tháng 07/2017, anh và chị L cùng đi lao động ở Đài Loan. Sang Đài Loan, anh và chị L làm ở hai công ty khác nhau, mỗi người ở một nơi nên vợ chồng thỉnh thoảng mới được gặp nhau. Cuối năm 2018, anh bắt đầu nghe thấy thông tin chị L chơi bời và có mối quan hệ với người đàn ông khác. Vì lý do đó mà giữa anh và chị L đã xảy ra tranh cãi, từ đó chị L đã cắt mọi liên hệ với anh. Anh đã liên lạc và nhờ bố mẹ chị L nói chuyện với chị L để hai vợ chồng hòa giải nhưng chị L kiên quyết không liên lạc lại với anh. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, nay chị L xin ly hôn anh, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị L không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị L không có tài sản chung, không vay nợ chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 18/11/2023, anh đã về hãn Việt Nam, không đi nước ngoài nữa nên các văn bản của Tòa án gửi cho anh, anh đề nghị Tòa án gửi cho anh theo địa chỉ Phạm Văn N, sinh năm 1988, địa chỉ: thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

Anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

*** Công văn số 874/PA08 ngày 10/10/2023 của Phòng Q Công an tỉnh T**
cung cấp: Anh Phạm Văn N xuất cảnh lần gần nhất ngày 20/11/2017, chưa có thông tin nhập cảnh vào Việt Nam.

***/ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án và quá trình xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Phạm Văn N. Về quan hệ con chung, tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Chị L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án chị Nguyễn Thị L xin ly hôn anh Phạm Văn N theo thủ tục chung, chị L đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn như cung cấp Bản tự khai, cung cấp các chứng cứ chứng minh và có đơn đề nghị Toà án không hòa giải, đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn – anh Phạm Văn N đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, anh N đã trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị L cho Tòa án. Chị L, anh N đều đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân của chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình ngày 29/7/2016 là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn được vài năm thì chị L và anh N phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chị L cho rằng trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên bất đồng về quan điểm sống, tính cách; sau khi đi lao động nước ngoài, vợ chồng hòa thuận được khoảng 01 năm thì lại xảy ra mâu thuẫn, chị và anh N thường xuyên cãi, chửi nhau. Anh N cho rằng mâu thuẫn xảy ra vào cuối năm 2018, anh bắt đầu nghe thấy thông tin chị L chơi bời và có mối quan hệ với người đàn ông khác nên vợ chồng xảy ra tranh cãi, anh chị đã sống ly thân từ khoảng đầu năm 2019, nay chị L xin ly hôn, anh đồng ý. Điều đó thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh N đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị đã đồng thuận ly hôn. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị L, xử cho chị L ly hôn anh N là phù hợp pháp luật.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị L, anh N trình bày anh chị không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị L, anh N trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Phạm Văn N.

[2] Về quan hệ con chung: Không đặt ra giải quyết.

[3] Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0005723 ngày 05 tháng 10 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị L, anh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Hành chính tư pháp./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thúy Hoàn